

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2024/DS-ST
Ngày: 21-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết.

2. Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí S, sinh năm: 1956. Địa chỉ: D24/307 ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho ông S là ông Phạm Văn L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu 1 Ô2, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2024.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi: Cô T), sinh năm: 1973. Địa chỉ: D224/285 ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

(Ông Lường, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Do cùng chung lối xóm với bà Trịnh Thị Minh H nên giữa ông S và bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) có quan hệ vay mượn, cụ thể:

Vào ngày 25/02/2023, giữa ông S và bà H có thỏa thuận hợp đồng vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 – 05 tháng trả lại, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, bà H đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng và hai bên có làm hợp đồng mượn tiền cùng ngày, đến hạn trả gốc là ngày 25/7/2023 nhưng bà H chưa trả tiền gốc và lãi cho ông S và ông

S đã nhiều lần yêu cầu bà H trả gốc và lãi nhưng đến nay vẫn chưa hoàn trả cho ông S khoản nào.

Do đó, ông Nguyễn Chí S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết buộc bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải trả cho ông Nguyễn Chí S số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 23/7/2024 là 22.888.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi yêu cầu bà H phải trả là 102.888.000 đồng. Ngoài ra yêu cầu bà H còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ việc với lãi suất 1.66%/tháng. Ông Nguyễn Chí S chỉ yêu cầu một mình bà H hoàn trả số tiền này, không yêu cầu ai khác liên đới hoàn trả số tiền này cho ông S.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu tính lại số tiền lãi chậm trả so với đơn khởi kiện như sau: Ông Nguyễn Chí S yêu cầu tính lãi từ 26/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2024) là 15 tháng 25 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 10.513.325 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải trả là 90.535.466 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) trình bày:

Bà Trịnh Thị Minh H thừa nhận có nợ số tiền gốc 80.000.000 đồng như người đại diện của ông S trình bày nêu trên là đúng. Tiền này bà H mượn giùm cho người khác, từ khi vay thì bà H đóng lãi đầy đủ cho ông S nhưng tới khoảng 03/2024 âm lịch thì ngưng không đóng lãi cho ông S do không còn khả năng đóng lãi. Về tiền lãi đã đóng thì bà không yêu cầu gì chỉ yêu cầu ông S không tính lãi trên số tiền vay 80.000.000 đồng do hiện nay bà H cũng đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà H đề nghị ông S cho bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc 80.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi 10.513.325 đồng như ông S yêu cầu. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Chí S khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay là 80.000.000 đồng và 10.513.325 đồng tiền lãi. Bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) có hộ khẩu thường trú tại xã Bình An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu tính lãi đối với bị đơn tương ứng số tiền 12.374.675 đồng, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ 26/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2024) là 15 tháng 25 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 10.513.325 đồng, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Về quyền khởi kiện: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Chí S khởi kiện yêu cầu bà bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) có trách nhiệm hoàn trả một lần số tiền vay 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả với tổng số tiền là 10.513.325 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 25/02/2023 ông Nguyễn Chí S có cho bà bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) vay số tiền 80.000.000 đồng, các bên có làm Hợp đồng mượn tiền, trong hợp đồng mượn tiền không thể hiện lãi suất và thỏa thuận trong thời hạn 4-5 tháng hoàn trả. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận hiện còn nợ ông S số tiền 80.000.000 đồng, bà có trả lãi khi vay tiền cho ông S nhưng bà không yêu cầu gì về tiền lãi đã trả cho ông S. Bà H yêu cầu ông S cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi hết số nợ 80.000.000 đồng nhưng người đại diện cho ông S không đồng ý và theo quy định của pháp luật không có quy định cho trả dần. Do đó, căn cứ vào Hợp đồng mượn tiền ngày 25/02/2023 buộc bà bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải trả cho ông Nguyễn Chí S số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lại số tiền lãi chậm trả so với đơn khởi kiện như sau: Ông Nguyễn Chí S yêu cầu tính lãi từ 26/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2024) là 15 tháng 25 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 10.513.325 đồng, bà H không đồng ý trả tiền lãi cho ông S. Xét Hợp đồng mượn tiền ngày 25/02/2023 không thể hiện lãi suất, quá trình giải quyết vụ án các bên trình bày có việc trả lãi nhưng không yêu cầu gì về lãi đã trả. Hợp đồng mượn tiền ngày 25/02/2023 chỉ thể hiện thời hạn trả là 04-05 tháng hoàn trả lại và không ghi rõ lãi suất cho vay là bao nhiêu phần trăm, do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ 26/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2024) là 15 tháng 25 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 10.513.325 đồng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2029/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Nguyễn Chí S khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Trịnh Thị Minh H hoàn trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và 10.513.325 đồng, không yêu cầu ai khác liên đới hoàn trả số tiền này cho ông S nên Hội đồng xét xử buộc bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải trả cho ông S tổng số tiền gốc và lãi là 90.513.325 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Ông Nguyễn Chí S không phải chịu án phí, ông S thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí S về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) trả số tiền lãi là 12.374.675 (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm) đồng.

Về quyền khởi kiện: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí S về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T).

Buộc bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Chí S tổng số tiền 90.513.325 (Chín mươi triệu, năm trăm mười ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm) đồng (Trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng và 10.513.325 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trịnh Thị Minh H (tên thường gọi Cô T) phải nộp 4.526.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2024).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện Thủ Thừa,
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Phạm Quốc Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Chí S, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 132 Liên khu 5-6 phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Minh Tâm, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 125/75 Bùi Đình Túy phường 24 quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày: 08/01/2022 (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Trần Thị Tuyết Vân, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện Thủ Thừa tỉnh Long An (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện Thủ Thừa tỉnh Long An (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí S về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với Trần Thị Tuyết Vân.

Buộc Trần Thị Tuyết Vân có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Chí S số tiền vay 206.720.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi 39.291.256 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng), tổng cộng số tiền 246.011.256 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Trần Thị Tuyết Vân phải nộp 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Năm

Phạm Quốc Tuấn

Ngô Thị Thùy Diễm